

Bản án số: 145/2019/HS-ST
Ngày: 11-10-2019

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thọ

2. Bà Đình Thi Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969; tên gọi khác: Gái; nơi sinh: Quảng Ngãi; nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, T phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thắng H (đã cH), con bà: Nguyễn Thị T; Gia đình có 06 chị em, lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1980; Chồng: Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1972; con: 02 con sinh năm 1997 và 2002; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 06/6/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bi hai*: Bà Võ Thi Thu T, sinh năm 1965.

Trú tại: Xóm 1, N, N, Đ, Lâm Đồng. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Công T, sinh năm 1987.

- Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: 46 Hải Thượng Lãn Ông, L, Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn Đ, xã N, Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị H sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi dọn nhà thuê cho bà Võ Thị Thu T sinh năm: 1965, hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, Đ. Trong thời gian từ ngày đầu tháng 5/2019 đến cuối tháng 5/2019 Lê Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt vàng và tiền của bà Võ Thị Thu T để trong phòng ngủ như sau:

Vụ thứ nhất: Vào đầu tháng 5/2019 (bị cáo H không nhớ rõ ngày, giờ) bị cáo đến dọn nhà cho bà Võ Thị Thu T. Do thiếu tiền trả nợ nên bị cáo có ý định lợi dụng sơ hở của chủ nhà để lấy tài sản. Quan sát thấy bà T không để ý bị cáo đã có hành vi lén lút mở ngăn kéo bàn trang điểm để tìm tài sản. Sau khi mở ngăn kéo bị cáo phát hiện trong ngăn kéo có một hộp tròn, nắp màu đỏ bên trong có dây chuyền vàng, nên bị cáo đã lấy sợi dây chuyền trên cho vào túi quần sau đó đẩy nắp hộp để vào vị trí cũ sau đó đi về nhà. Khoảng hai ngày sau bị cáo bắt xe đi thị trấn L, huyện Đ bán sợi dây chuyền trên tại tiệm vàng K, địa chỉ số 46, Hải Thượng Lãn Ông, thị trấn L, Đ do ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Diệu H làm chủ bán với giá 4.050.000đ sau đó đem số tiền trên đi trả nợ hết. Theo kết luận định giá tài sản số: 115/KL – HĐĐG ngày 07/8/2019, của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định sợi dây chuyền vàng trên có giá trị 11.973.000đ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 22/5/2019, bị cáo đến dọn nhà cho bà T, lúc này bà T mở cửa nhà và đi công việc để bị cáo dọn nhà. Lợi dụng lúc bà T không có nhà bị cáo đã lén lút lấy chìa khóa để trong rổ nhựa mở ngăn kéo bàn trang điểm của bà T lấy số tiền 10.000.000đ, bỏ vào áo khoác sau đó đóng ngăn khóa và để chìa khóa về vị trí cũ tránh bị phát hiện. Số tiền này bà Lê Thị H đem về nhà trả nợ hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 28/5/2019, bị cáo đến dọn nhà cho bà Võ Thị Thu T. Sau khi mở cửa cho bà Lê Thị Hoàng vào dọn nhà bà Võ Thị Thu T đi công việc. Lợi dụng lúc bà T không có nhà bị cáo đã lén lút lấy chìa khóa trong rổ nhựa để trong phòng ngủ mở ngăn kéo bàn trang điểm của bà T lấy số tiền 12.500.000đ bỏ vào áo khoác, sau đó đóng ngăn khóa và để chìa khóa về vị trí cũ tránh bị phát hiện. Khi bị cáo chuẩn bị về thì bà T đi công việc về kiểm tra thấy mất tiền nên đã hỏi bị cáo có lấy tiền hay không bị cáo không nhận mà lén lút đi xuống phòng bếp. Do đã nghi ngờ bị cáo là người thực hiện hành vi trên nên bà T đã theo dõi phát hiện bị cáo xuống bếp lấy số tiền trên từ trong túi áo khoác giấu vào lò vi sóng thì bị bà T phát hiện lấy lại số tiền trên, sau đó bà T trình báo cơ quan điều tra. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H là em gái của bị cáo H đã bồi thường số tiền 3.000.000đ cho bà T, bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 17.600.000đ.

Bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 115/CT - VKS ngày 29 tháng 8 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử bị cáo Lê Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 01 đến 02 năm tù.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị hại: Tại phiên tòa bị hại bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 17.600.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ bị cáo Lê Thị H được thuê dọn nhà cho bà Võ Thị Thu T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi và quản lý tài sản của bà T, bị cáo H đã nhiều lần trộm cắp tiền và vàng của bà T cụ thể: Lần thứ nhất: vào khoảng đầu tháng 5/2019 bị cáo lấy 01 sợi dây chuyền vàng của bà T sau đó mang đi bán tại tiệm vàng K do ông Trần Công T, bà Nguyễn Thị Diệu H làm chủ với giá 4.050.000đ, số tiền này bị cáo đã đi trả nợ H. Tại Kết luận định giá tài sản số 115/KL – HĐĐG ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá đã xác định sợi dây chuyền vàng trên có giá trị là 11.973.000đ. Lần thứ 2: vào khoảng 16 giờ ngày 22/5/2019 bị cáo H đã lén lút lấy chìa khóa để trong ổ nhựa mở ngăn kéo bàn trang điểm của bà T lấy số tiền 10.000.000đ, số tiền này bị cáo đem về trả nợ H. Lần thứ 3: vào khoảng 14 giờ ngày 28/5/2019 bị cáo H đã lén lút lấy chìa khóa để trong ổ nhựa mở ngăn kéo bàn trang điểm của bà T lấy số tiền 12.500.000đ bỏ vào áo khoác. Khi bị cáo chuẩn bị về thì bà T đi công việc về kiểm tra thấy mất tiền nên đã hỏi bị cáo thì bị cáo không khai nhận và lén lút đi xuống nhà bếp để số tiền vừa trộm được

vào lò vi song thì bị bà T phát hiện lấy lại số tiền trên sau đó bà T trình báo với cơ quan điều tra. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, cấm mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội của mình, hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới thoả đáng.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 03 lần với tổng giá trị tài sản là 33.473.900đ nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xem xét tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Võ Thị Thu T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.600.000đ, trong đó gồm: 10.600.000đ là giá trị sợi dây chuyền và 10.000.000đ là số tiền bị cáo lấy trộm lần thứ hai, phía gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà T số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 17.600.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

Trong vụ án vợ chồng ông Trần Công T, bà Nguyễn Thị Diệu H chủ tiệm vàng K khai không mua sợi dây chuyền trên nên không có cơ sở xử lý.

Đối với bà Võ Thị Thu T khai ngoài tài sản trên bị mất còn mất 01 lắc tay bằng vàng 18k, trọng lượng 5 chỉ và 01 nhẫn vàng loại vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ. Cơ quan điều tra đã xác minh, điều tra nhưng không chứng minh được bà Lê Thị H lấy tài sản nên không có cơ sở xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích nhận định trên nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 880.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị H phải bồi thường cho bà Võ Thị Thu T số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 880.000đ (tám trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sinh

